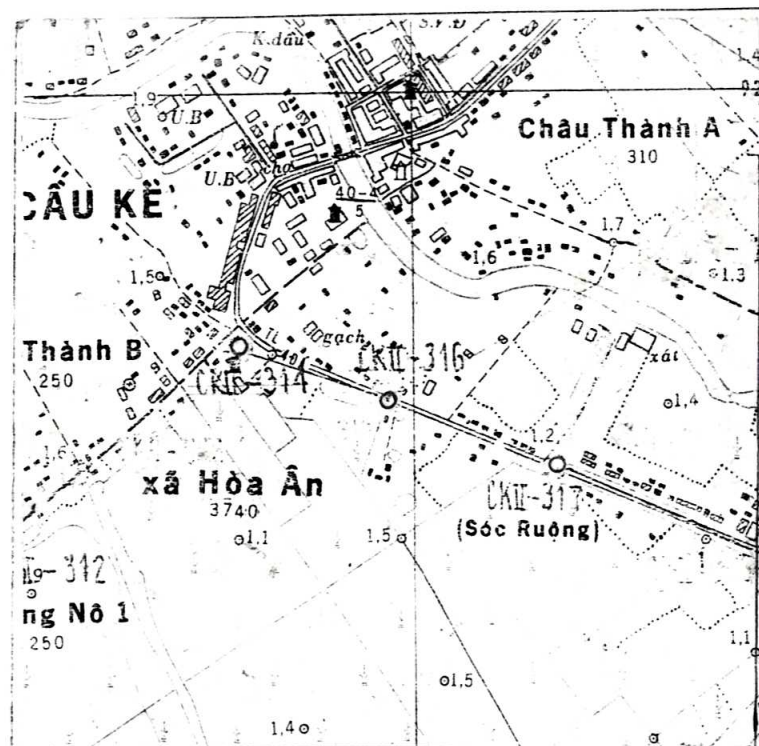


GHI CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

Tên điểm: _____ Số hiệu: CKII - 316 Mảnh bản đồ: C-48-81-A-C-5
 Phương pháp đo: Đường chuyên _____ Cấp, hạng: Đ II
 Trị giá khái lược _____ Độ cao: 10 m Kinh độ: 106° 02' 9"
 Vi độ: 0° 52' 3"
 Loại đất: Đất công Chất đất: đất thịt
 Nơi đặt mốc: 1 non (bản, lang): Khom 6 Xã (thị trấn, phường): Thị trấn Cầu Kè
 Huyện (Quận): Cầu Kè Tỉnh (Thành phố): Trà Vinh
 Nơi ở gần nhất: Nhà ông Nguyễn Văn Ngo Khoảng cách tới điểm: 30 m
 Người chọn: Nguyễn Đình Thế Đơn vị chọn: XNTĐ 203 - Công ty đo đạc địa chính và Công trình
 Ngày 3 tháng 4 năm 2000

Bản đồ địa hình khu vực điểm và sơ đồ hướng



Tỷ lệ: 1 : 10 000

Số liệu đo mốc (mm)

Từ văn đến điểm đến:	Lần 1	Lần 2	T.B.	Chiều cao các tầng mốc
Dãy số				
Trung tâm mốc dưới				
Trung tâm mốc giữa				
Trung tâm mốc trên				
Mặt đất				
Mặt tường vẩy hoặc mặt đất sau khi đắp				

Điểm thông hướng:

(Tên, số hiệu, cấp hạng điểm bên quan mà từ mặt đất điểm trạm đo nhìn thông suốt tới điểm bên quan)

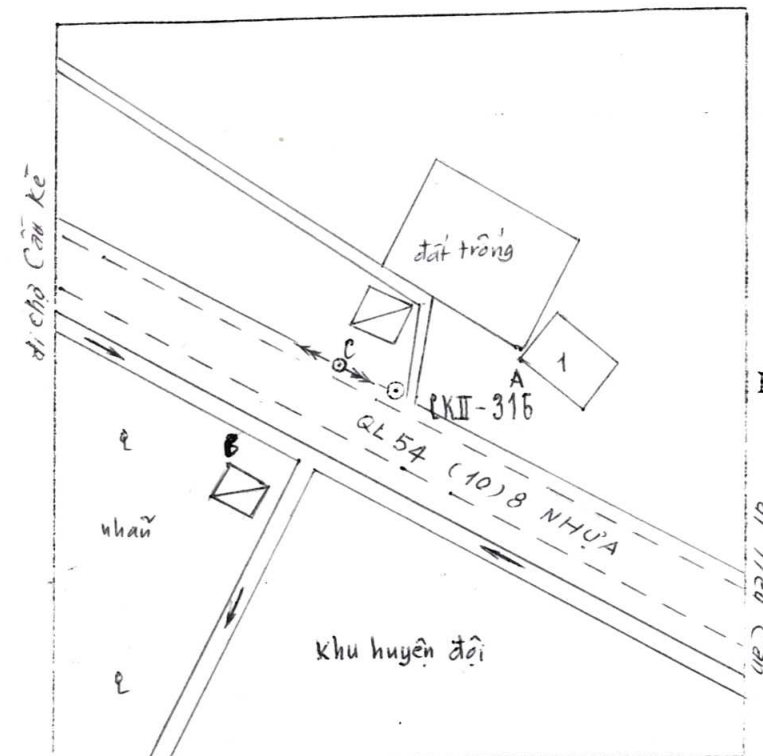
Điểm:

CKII - 314
 CKII - 317

Họ, tên, địa chỉ người dân đường:

Nguyễn Văn Ngo
 Khom 6
 Thị trấn Cầu Kè
 Huyện: Cầu Kè
 Tỉnh: Trà Vinh

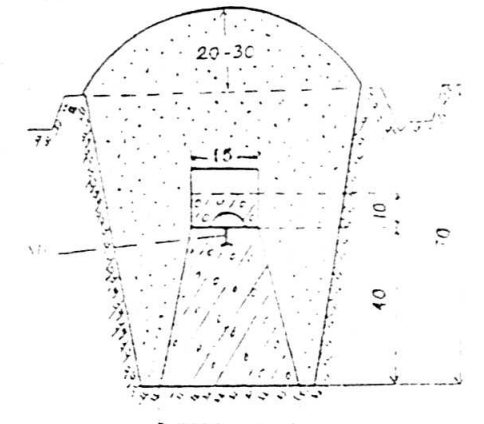
Sơ đồ vị trí điểm



Tỷ lệ: 1 : 1000

Đơn vị chôn mốc, làm tường vẩy: XNTĐ 203 - Công ty đo đạc địa chính và Công trình
 Người chôn mốc: Nguyễn Đình Thế
 Loại mốc: Chôn 1 tầng
 Ngày 04 tháng 4 năm 2000

Hình vẽ mặt cắt mốc, tường vẩy (đơn vị cm)



Vịc	Tên vật chuẩn	Hướng và khoảng cách từ một đến vật chuẩn, m
A	Nhà dầy cắt may	Đông Đông Bắc' 16.3
E	Góc nhà Nguyễn Văn Ngo	Tây Nam 25.4
C	Cột điện cao thế số 451	Tây Tây Bắc' 6.6

Điểm này: Tên dụng mốc cũ, gia cố, chôn trung mốc

Tên điểm: _____ Số hiệu: _____ Cấp, hạng: _____

Điểm này đo nổi đo cao bằng: _____ Cấp, hạng: _____

Đường đi đến điểm (đường ô tô, sắt, thủy, số KM):

Từ bến xe huyện Cầu Kè theo Quốc lộ 54 đường đi Truân Cẩn qua UBND Thị trấn Cầu Kè đến Nhà dầy cắt may tại điểm (Mốc chôn cạnh đường đối diện khu huyện đội)

Cơ quan gia cố mốc, tường vẩy, lắp ghi chú điểm:

Ngày 10 tháng 4 năm 2000

Người làm ghi chú điểm:

Nguyễn Đình Thế

Ngày 6 tháng 5 năm 2000

Người kiểm tra:

Hà Văn Hy

HƯỚNG DẪN LẬP GHI CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

Bản ghi chú điểm tọa độ này sử dụng để làm ghi chú điểm tọa độ Nhà nước cấp "0", hạng I, II, III, IV và địa chính I, II. Sử dụng mực màu đen để điền viết hoặc đánh máy kiểu chữ in nghiêng. Chữ, số, nét vẽ phải rõ ràng, cân thân, đậm nét để đảm bảo khi photocopy được bản rõ nét.

1. Tên điểm: Lấy theo địa danh nơi đặt điểm địa phương thường dùng ở vùng dân tộc ít người ghi phiên âm trong ngoặc đơn. Các điểm địa chính I, II thường không có tên điểm.

2. Số hiệu, cấp hạng điểm: Theo quy định trong luận chứng kinh tế - kỹ thuật (LCKT - KT) và thực tế thi công.

3. Mảnh bản đồ số: Là phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình lưới chiếu Gauss, tỉ lệ 1 : 100 000 đối với điểm cấp "0", hạng I, II, III, IV Nhà nước và tỉ lệ 1 : 50 000 đối với điểm địa chính I, II.

4. Phương pháp đo: Theo quy định trong LCKT - KT, thí dụ: Công nghệ GPS, đường chuyền... và thực tế thi công.

5. Giá trị khái lược: Lấy theo số liệu trên bản đồ ở mục 3. Độ cao lấy đến mét, kinh, vĩ độ đến 0,1'.

6. Loại đất: Đất công hay tư (tư nhân sử dụng), chất đất theo thực tế. Nếu gắn trên vật kiến trúc, trên địa điểm gắn trên (hấp nước, nhà mái bằng, nền đá...) — tên riêng, tên chủ nhà.

7. Dấu đất mốc: Là địa chỉ hiện tại. Nếu làm trên bề phố, lòng đường phải ghi tên đường, phố.

8. Tên bản đồ: Là tên thôn, xã, làng, hoặc nhà ở nếu điểm đặt ở trong khu dân cư, gần nhất (thôn, xã, xã, điểm) tính từ nơi gắn mốc (tính đến 1 km, 0,1 km hoặc tới chục mét tùy theo điểm ở xa, gần từ 100).

9. Người chọn, đơn vị chọn: Là tên người, đơn vị thực tế đã chọn điểm.

10. Điểm thông hướng: Theo quy định trong LCKT - KT và theo thực tế thông hướng của điểm.

Bản đồ địa hình khu vực điểm và sơ đồ tương đương đất và dân bản đồ địa hình (hoặc bản photocopy bản đồ địa hình) cần độ khu vực tỉ lệ 1 : 10 000 - 1 : 50 000, khổ bản 10 x 10 cm. Lấy vị trí điểm, làm trung tâm vẽ hình chữ "O" hạng I, II, III, IV Nhà nước vẽ bằng 4 hoặc tam giác, 4 điểm địa chính I, II bằng ký hiệu vẽ, trục "x". Canh tam giác, đường kính vòng tròn là 4 mm và 4 đặc. Số hiệu điểm ghi vào góc ngoài (tên bản đồ của chủ, số là 2,5 mm). Hướng đến điểm thông hướng về mũi tên đến vị trí điểm, đó nếu điểm "trong khung" hoặc vẽ đến cạnh khung nếu điểm ở ngoài khung. Số hiệu điểm thông hướng viết dọc theo chiều mũi tên, cao 2,5 mm. Sơ đồ hướng: Chỉ vẽ hướng đến các điểm thông hướng.

11. Người dẫn đường: Là người có hồ khẩu thường trú ở địa phương, ghi địa chỉ cụ thể.

12. Sơ lược đồ mốc: Chỉ có khi chôn mốc từ hai tầng trở lên hoặc mốc có hai dấu mốc. Số liệu lấy từ sơ lược đồ mốc. Điểm tọa độ hạng IV Nhà nước, điểm địa chính I, II không có mục này. Các điểm gắn trên vật kiến trúc thường cũng không có mục này.

13. Sơ đồ vị trí điểm (10 x 3 cm) và vật chuẩn: Chọn tỷ lệ thích hợp để vẽ được 3 vật chuẩn nằm trong trung sơ đồ. Chỉ vẽ các yếu tố chính có liên quan đến tìm điểm. Vật chuẩn phải là các địa vật cố định, ổn định lâu dài ở thực địa. Ký hiệu và số hiệu điểm quy định như ở mục 11 nhưng không tô đặc, có chấm ở tâm ký hiệu.

14. Người, đơn vị chôn mốc, làm tường vây: Mục nào không làm gạch ngang để bỏ.

15. Loại mốc: Mốc chôn 2 hoặc 3 tầng, mốc gắn trên núi đá, nền đá 2 tầng, mốc gắn trên vật kiến trúc 1 hoặc 2 tầng, bề thiên văn (nếu trùng vào bề thiên văn).

16. Hình vẽ mặt cắt: Theo sơ đồ ghi chú điểm cũ (mốc chôn cũ) và theo thực tế chôn mốc, làm tường vây mới.

17. Điểm này: Tận dụng mốc cũ, gia cố, chôn trùng mốc: Gạch ngang bỏ mục không làm. Nếu chôn mốc mới không gạch bỏ và không điền viết mục này.

18. Điểm này có nội độ cao bằng: Công nghệ GPS, đo địa hình học, đo các công việc... Cấp hạng: Ghi khi đạt từ kỹ thuật (hoặc tương đương) trở lên. Thí dụ: Kỹ thuật, tương đương hạng IV, hạng IV...

19. Đường đi tới điểm: Ghi rõ đi từ địa điểm cụ thể nào, bằng phương tiện gì. Nếu đi bộ qua rừng, núi thì phải ghi thời gian đi và phòng chừng quãng đường.

20. Cơ quan gia cố mốc, tường vây, lập ghi chú điểm: Nếu mốc, tường vây làm mới thì không ghi mục này. Nếu làm bổ sung thì gạch ngang để bỏ phần việc không làm, tương tự mục 16.

21. Người làm ghi chú điểm, người kiến trúc: Ghi rõ họ, tên, không là tên.

TỔNG CỤC ĐỊA CHÍNH

71 Cầu Lộ

GHI CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

TÊN ĐIỂM : _____

SỐ HIỆU : CKII - 316

CẤP HẠNG : ĐC II

NĂM 2000